MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HÀNH VI VÀ HÀNH VI PHÁP LUẬT

*Lê Vương Long**

Đời sống pháp lý là tổng thể những hành vi pháp luật sống động và đa dạng. Việc nghiên cứu hành vi cũng như hành vi pháp luật không chỉ đơn thuần về mặt lý luận khoa học mà nó còn góp phần nâng cao nhận thức đối với các chủ thể trong các hoạt động pháp lý khi tham gia quan hệ pháp luật cụ thể.

1. Nhận thức về hành vi: Hành vi là một yếu tố gắn liền với sự tồn tại và phát triển của con người. Hành vi chính là phương thức để con người duy trì đời sống của mình trong sự tương tác hữu cơ với thế giới tự nhiên và xã hội. Khi con người trở thành đối tượng của khoa học thì hành vi là một nội dung cơ bản được nhiều bộ môn khoa học nghiên cứu dưới các góc độ khác nhau. Về mặt ngôn ngữ, hành vi theo tiếng Anh *behavior* - được hiểu là *"cách thức mà con người xử sự trong những tình huống cụ thể"*[1]. Theo tiếng Pháp, hành vi – *Conduite* là *"việc một người làm và bằng cách đó thực hiện một ý định của mình"*[2]. Theo Từ điển tiếng Việt, *"hành vi là cách ứng xử được biểu hiện bằng cử chỉ, hành động cụ thể"*[3]. Hoặc, *"hành vi là những phản ứng, cách cư xử biểu hiện ra ngoài của một con người trong một hoàn cảnh cụ thể nhất định"*[4]. Thực tế cho thấy, không ít tài liệu biên dịch ở nước ta cũng đã sử dụng thuật ngữ *behaviou* (xử sự) tương tự như là *action* (hoạt động). Chính vì lẽ đó, sự phân biệt hành vi, hoạt động, hành động cả trong lý luận và thực tiễn là không đơn giản và chưa có sự thống nhất giữa các môn khoa học trong quá trình nghiên cứu.

- Thuyết hành vi cổ điển (thuyết Watson) [5] cho rằng, hành vi của con người chỉ bao gồm các cử động (hoạt động) có thể quan sát được ở cơ thể người thích ứng với môi trường khách quan xung quanh. Cơ chế hành vi của ông tuyệt nhiên loại trừ ý thức. Hành vi chính là kết quả của qui trình: kích thích (*Stimul*)-phản ứng (*Reaction*). Như vậy, ở đây hành vi được hiểu một cách đơn giản là tổ hợp các phản ứng của cơ thể trước các kích thích bên ngoài. Chính vì cơ sở nhận thức đó, Watson tiếp tục nghiên cứu tâm lý động vật và đã khởi xướng vấn đề *"ý thức ở động vật"* đặc biệt ông đã *"coi ý thức là một cái gì đó vu vơ, vô ích. Đối với nhà hành vi, công nhận sự tồn tại của ý thức chỉ là khi trở về tiên kiến thần bí của tôn giáo trước đây. Nhà hành vi không được công nhận ý thức"*[6]. Đây chính là hạn chế lịch sử lớn nhất của thuyết hành vi cổ điển.

- Thuyết hành vi mới[7] không phủ nhận kết quả nghiên cứu của Watson và cho rằng, các yếu tố S-R là những yếu tố tiền đề không thể thiếu của hành vi. Tuy nhiên, theo các nhà hành vi mới *"tâm lý học S-R của nhà hành vi trưởng Watson không phải là tâm lý học về hành vi mà chỉ là sinh lý học về hành*

---

* TS. Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội

[1] Oxford University (2000), *Oxford Advance Learner's Dictionary,* Oxford University Press, Oxford

[2] (1996) *Le Nouveau Petit Robet,* Socie'te' Ditionaires LeRobet, Pari

[3] Nguyễn Như Ý (chủ biên - 1994) Từ điển Tiếng Việt thông dụng, Nxb Giáo dục, H, tr.456

[4] Viện Ngôn ngữ học (2003): Từ điển Tiếng Việt, Nxb Đà Nẵng, tr.423

[5] Watson (1878-1958) nhà tâm lý học người Mỹ. Ông đã đưa ra cương lĩnh đầu tiên của thuyết hành vi với công thức nổi tiếng S-R, tạo nên thuyết hành vi cổ điển (còn gọi là thuyết Watson).

[6] Phạm Minh Hạc: Tâm lý học hành vi, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.36

[7] Thuyết hành vi mới có các đại biểu như E.Tol man (1886-1959); K.Hull (1884-1952)

vi"[8]. Các nhà khoa học như Hull, Spence cho rằng cần phải đưa lý trí vào giữa hai yếu tố kích thích và phản ứng. Yếu tố kết nối này hoàn toàn không thể nhìn thấy và không được bộc lộ ra bên ngoài. Quan niệm của học thuyết này nhìn chung vẫn coi trọng công thức S-R nhưng bước đầu đã nhìn nhận vai trò của ý thức, ngôn ngữ và nhận diện một thứ hành vi ngôn ngữ.

- Tâm lý học mácxít về hành vi: Có thể nói, phạm trù trung tâm của tâm lý học mác-xít là phạm trù hoạt động. Hoạt động của con người là hoạt động xã hội, nó thể hiện bản chất và sự khác biệt giữa người và động vật. Theo Mác, bản chất của con người không phải là cái gì trừu tượng ở từng cá thể một. Trong tính thực tiễn, bản chất người là tổng hoà tất cả các quan hệ xã hội. Nếu như bản chất của học thuyết hành vi là để phi thần thoại hoá hoạt động của con người bằng cách giải thích nó là sản phẩm của phản ứng của cơ thể lên sự kích thích và được qui định bởi một số qui luật của tâm lý học thì thuyết hành động đưa đến một đặc thù là tách ra khỏi hành vi sự phản ứng đơn thuần đó. Hoạt động của con người được hiểu là một tồn tại lịch sử, xã hội, có ý thức chứ không phải là "*cái túi đựng đầy phản xạ*" vô cảm. Do đó, cương lĩnh đầu tiên của tâm lý học mác-xít thể hiện ở việc coi ý thức là vấn đề trung tâm của tâm lý hành vi, ý thức chính là yếu tố không thể thiếu trong cấu trúc của hành vi. Hành vi của con người là hoạt động khách quan, xét về nội dung và hình thức hoạt động đó hàm chứa các nhân tố tâm lý, ý thức, kinh nghiệm lịch sử - xã hội, giá trị xã hội hay nó là quá trình tác hợp các yếu tố chủ quan bên trong và yếu tố bên ngoài dưới những điều kiện nhất định. Tính đúng đắn của tâm lý học mác-xít khi tiếp cận hoạt động là coi kích thích cũng là đối tượng của nhận thức, phản xạ là nội dung trả lời của tâm lý được hình thành trên cơ sở ý thức.

Trong lúc đó, triết học Mác xít một lần nữa khẳng định ý thức chỉ có ở con người, là sản phẩm của sự tiến hoá vật chất cao nhất là bộ não người. Lao động và ngôn ngữ là nguồn gốc của ý thức và là biểu hiện bản chất xã hội của ý thức. Điều này có cơ sở để lý giải là vì sao hành vi của con người có được một cơ chế biểu tượng điều chỉnh là hệ thống ngôn ngữ và giá trị. Thời gian gần đây đã xuất hiện những ý kiến làm sống lại các quan điểm tâm lý học cổ điển khi cho rằng có hành vi vô thức, hành vi ý thức, hành vi động vật và thậm chí ở cả thực vật. Như vậy, khó có thể thống nhất một cách tuyệt đối về nhận thức đối với hành vi bởi mỗi môn khoa học có cách tiếp cận riêng biệt của nó. Chúng tôi ủng hộ quan điểm coi hoạt động của con người có thể là hành vi hoặc không là hành vi. Chỉ có như vậy, hoạt động của con người mới không hoàn toàn là các phản ứng vật lý, mang tính bản năng và vô cảm. Theo đó, những hoạt động vô thức không nên coi là hành vi[9] và thực chất "*hành vi là biểu hiện của hoạt động, và do đó không tách rời ý thức*"[10]. Hành vi xã hội không tách rời khái niệm hoạt động có ý chí, có mục đích và khả năng kiểm soát của chủ thể.Với nghĩa này, về mặt cấu trúc hành vi tương hợp các yếu tố cơ bản:

- Nhu cầu, lợi ích được nhận thức tạo nên động cơ thúc đẩy chủ thể;
- Định hướng, mục đích mà chủ thể đặt ra để thực hiện;
- Phương thức biểu đạt nội dung nhận thức trên thực tế (phản ánh khách quan bằng hành động hoặc không hành động);
- Kết quả của hoạt động thực tế.

Như vậy, với cách tiếp cận hay quan điểm trên có thể nêu lên một số đặc điểm cơ bản của hành vi là:

a. *Hành vi là hoạt động có ý thức của con người*: Ý thức được xác định là yếu tố nền tảng, tiền đề đồng thời là thuộc tính cơ bản của hành vi xã hội. Có ý thức con người

[8] Sđd.

[9] Xem Lê Vương Long: Lý luận cơ bản về quan hệ pháp luật, Nxb Tư pháp, H, 2006.

[10] Lê Vương Long, Sđd; tr.37

mới có khả năng xác lập, kiểm soát hoạt động của mình. Có ý thức con người mới hiểu được các nội dung, yêu cầu và mục đích của các hoạt động do mình thực hiện. Và, có ý thức các hoạt động của con người mới hàm chứa các giá trị nhân bản, mang tính phổ biến, tích cực trong xã hội. Hoạt động nhận thức là hoạt động tự do ý chí phản ánh đặc tính chủ quan của cá nhân con người.

b. Hành vi có phương thức biểu đạt trên thực tế là hành động và không hành động: Đây chính là yếu tố thể hiện phương diện sống (hay là tồn tại) của hành vi trên thực tế. Hành động là dạng thức hành vi thể hiện thái độ chủ động của chủ thể trong việc bộc lộ những thao tác ra bên ngoài thế giới khách quan. Hành động có thể được thể hiện dưới những thao tác vật chất như dùng sức mạnh hoặc sử dụng ngôn ngữ nói. Không hành động là dạng thức hành vi thể hiện thái độ chủ động của chủ thể trước một yêu cầu nào đó và đã không bộc lộ những thao tác cụ thể ra ngoài thế giới khách quan nhưng gắn với một kết quả thực tế. Xét về mặt lý luận, đã là hành vi thì phải được hình thành trên cơ sở nhận thức, khi đã được nhận thức thì thái độ của chủ thể luôn mang tính chủ động trong việc xác lập hoặc không xác lập một cơ chế bộc lộ ra ngoài thế giới khách quan. Tuy nhiên, trên thực tế do nhiều nguyên nhân đem lại mà nội dung nhận thức của chủ thể có thể chưa đúng hoặc chưa đầy đủ nên về mặt chủ quan chủ thể có thể bị thụ động, lúng túng trước thao tác của mình. Chính vì lẽ đó, không nên cho rằng không hành động xét về mặt tâm lý thì chủ thể luôn luôn ở trạng thái thụ động.

c. *Hành vi có mục đích và định hướng:* Do được hình thành trên cơ sở nhận thức nên hành vi xã hội luôn gắn với những mục đích cụ thể. Mục đích đó có thể tốt hoặc xấu nhưng đó là mốc hay là giới hạn mà chủ thể mong muốn đạt tới. Và, để thực hiện được mục đích đặt ra, chủ thể thường định hướng cho mình quá trình thực hiện hành vi thích ứng, hợp lý.

d. Hành vi mang tính xã hội: Hành vi xã hội dù xuất hiện, tồn tại ở dạng thức nào (hành động hoặc không hành động) về mặt nội dung hữu ích hay không đều mang tính xã hội. Điều này có nghĩa, trước những điều kiện thực tế cụ thể, trong nhiều trường hợp các chủ thể cũng chỉ có một số cách xử sự nhất định nên sự lựa chọn phương thức tồn tại của hành vi cũng mang tính tất yếu và phổ biến, nghĩa là không nằm ngoài cách xử sự chung của xã hội. Tính xã hội của hành vi thể hiện ở khả năng phổ biến, sự tương đồng trong xã hội cũng như mức độ hàm chứa các giá trị, chuẩn mực xã hội. Tính xã hội của hành vi có thể bộc lộ cả theo chiều hướng tích cực hoặc tiêu cực trong đời sống thực tiễn. Hành vi cần phải được nhìn nhận như một chỉnh thể thống nhất gồm các yếu tố bên trong (tâm lý, ý thức) và các yếu tố bên ngoài (hình thức biểu đạt, tình huống, môi trường). Chính vì vậy, khi xem xét hành vi, nhà xã hội học George H. Mead (1863-1931) cho rằng: "*hành vi cần được phân tích như một chỉnh thể linh hoạt, không một bộ phận nào của chỉnh thể được phân tích hoặc có thể được phân tích một cách độc lập*"[11]. Tuy nhiên cũng đã có ý kiến cho rằng, nếu thừa nhận các hoạt động vô thức của con người hoặc hoạt động của các loài động vật khác là hành vi thì không nên đồng nhất hành vi với hành vi xã hội.

e. *Hành vi luôn gắn liền với quá trình điều chỉnh xã hội:* Điều chỉnh xã hội do nhiều chủ thể thực hiện bằng nhiều hình thức và phương tiện khác nhau. Xét về bản chất, điều chỉnh xã hội là quá trình bảo đảm cho các hoạt động xã hội nằm trong một giới hạn cần thiết, các quan hệ xã hội có một trật tự nhất định. Thực chất nội dung và đối tượng chủ yếu của quá trình điều chỉnh xã hội là trật tự hóa hành vi của con người. Điều này được lý giải bởi các quan hệ xã hội cũng chỉ có thể được hình thành thông qua các hành vi xã hội mà thôi. Thông qua quá trình điều

[11] Vũ Quang Hà (2002), Xã hội học đại cương, Nxb Thống kê, H, tr.132.

chỉnh xã hội, hành vi được đánh giá bởi các tiêu mực của đạo đức, pháp luật, tôn giáo, chính trị, tập quán v.v. Theo đó, các chế độ trách nhiệm xã hội cũng hình thành cùng với quá trình điều chỉnh trên thực tế.

Tóm lại, hành vi xã hội về nội dung và hình thức mang đặc điểm cá thể và đặc điểm xã hội trong sự hình thành và tồn tại. Hành vi xã hội luôn mang tính xã hội do đó nó luôn gắn liền với cơ chế điều chỉnh xã hội, được đánh giá bằng hệ thống các chuẩn mực xã hội.

Vậy, hoạt động nào của con người không nên được coi là hành vi? Như đã khẳng định ở trên, hành vi cần được phân biệt với các thao tác bản năng, vô thức. Những thao tác này không phải là hành vi bởi nó xét về nội dung và hình thức không được hình thành trên cơ sở nhận thức. Có hai dạng (khả năng) không nên coi là hành vi:

- *Một là*, chủ thể có khả năng nhận thức và đã hình thành hoạt động nhận thức về một vấn đề nhất định nhưng nội dung nhận thức đó chưa được bộc lộ ra bên ngoài thế giới khách quan, chưa gắn với một kết quả thực tế. Đây thực chất chỉ là những ý niệm, suy nghĩ hoàn toàn mang đặc tính chủ quan của chủ thể. Ví dụ, chủ thể nhận thức và vạch ra cho mình một khả năng trả thù ai đó nhưng không thực hiện trên thực tế.

- *Hai là*, những thao tác của con người trong trạng thái vô thức không mang tính xã hội. Trường hợp này khác biệt với trường hợp trên ở chỗ là chủ thể không có khả năng nhận thức. Ở đây chủ thể có thể bị mất hoàn toàn khả năng nhận thức hoặc tại thời điểm mà họ đã có những thao tác vật chất thực tế. Chẳng hạn, người lúc ngủ mơ hoặc bị bệnh tâm thần thực hiện những thao tác không có chủ đích. Những thao tác này hoàn toàn không có tính phổ biến trong xã hội và không hàm chứa các giá trị xã hội nên không nên coi là hành vi.

Mặt khác cũng cần phân biệt hành vi ở dạng không hành động với không là hành vi mới dừng lại ở mức độ nhận thức (ý niệm, suy nghĩ) trong tư duy chủ thể. Hai trạng thái này mặc dù có điểm tương đồng là chủ thể có khả năng nhận thức và đã có ý thức về vấn đề nào đó nhưng lại có sự khác nhau căn bản về bản chất, nội dung. Hành vi ở dạng không hành động đương nhiên đã xuất hiện cơ chế biểu đạt nội dung nhận thức của chủ thể và nó gắn với quan hệ xã hội cụ thể, gắn với các hậu quả xã hội và chế độ trách nhiệm xã hội cụ thể. Còn không hành vi mới dừng lại ở mức độ ý thức trong tư duy chủ thể lại thiếu đi một cơ chế biểu đạt nội dung nhận thức trên thực tế. Nó hoàn toàn chưa gắn với quan hệ xã hội cụ thể và đem lại hậu quả thực tế nào nên cũng chưa gắn với chế độ trách nhiệm xã hội cụ thể nào.

2. Hành vi pháp luật là gì? Trước hết có thể khẳng định, hành vi pháp luật là một dạng hành vi xã hội. Tuy nhiên, không phải mọi hành vi xã hội đều có nhu cầu điều chỉnh bằng pháp luật và đều được pháp luật điều chỉnh. Pháp luật chỉ điều chỉnh các hành vi nào mà giai cấp cầm quyền thấy quan trọng đối với sự tồn tại của chính giai cấp đó và của cả xã hội. Trong thực tiễn, sự điều chỉnh được đặt trên cơ sở pháp luật hoá các quan hệ xã hội và quá trình tác động vào ý thức của chủ thể.

+ *Về chủ thể hành vi pháp luật:* Về nguyên tắc chung, chủ thể hành vi pháp luật phải có năng lực hành vi mới có khả năng xác lập, kiểm soát các hoạt động theo qui định của pháp luật . Tuy nhiên, do năng lực của mỗi chủ thể là khác nhau đã tạo nên sự khác biệt về tính chất hành vi. Độ tuổi là một tiêu chí để xem xét năng lực nhận thức và khả năng xác lập, kiểm soát và chịu trách nhiệm về các hoạt động của chủ thể. Trong khoa học pháp lý, một con người có nhận thức đầy đủ và có khả năng xác lập, kiểm soát các hoạt động của họ thông thường (phổ biến) được xác định là từ 18 tuổi trở lên. Tuy nhiên, ở những mức tuổi khác nhau con người có khả năng nhận thức và tham gia các hoạt động khác nhau, trong đó có các hoạt động pháp lý. Điều đó có nghĩa

không phải đợi đủ 18 tuổi hoạt động của con người mới được coi là hành vi cũng như hành vi pháp luật và mới phải chịu trách nhiệm về hành vi đó. Hạn chế độ tuổi trong pháp luật đối với việc xác định năng lực hành vi là một điều dễ hiểu bởi chỉ đến một độ tuổi nhất định con người mới thấy được hậu quả xã hội, ý nghĩa của hành vi và mới có khả năng chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Dựa vào đặc điểm tâm, sinh lý và khả năng nhận thức, trên thực tế pháp luật đã xác định các mức tuổi khác nhau để các cá nhân có thể tham gia một số hoạt động pháp lý bằng việc hưởng một số quyền, thực hiện một số nghĩa vụ trên các lĩnh vực hoặc buộc họ chịu trách nhiệm pháp lý khi có vi phạm pháp luật. Chẳng hạn, năng lực hành vi dân sự của công dân Việt Nam xuất hiện từ 6 tuổi; mức tuổi để tham gia quan hệ hôn nhân gia đình đối với nam là 20 tuổi trở lên, với nữ là 18 tuổi trở lên; mức tuổi chịu trách nhiệm hình sự là 16 tuổi. Đây là những mốc tuổi pháp lý dùng để xác định hành vi pháp luật theo từng lĩnh vực cụ thể. Như vậy, trong những trường hợp chủ thể chưa đạt đến mức tuổi pháp lý mà vẫn tham gia các giao dịch nhằm hưởng quyền pháp luật hoặc có những hoạt động trái pháp luật gây hậu quả xấu thì bị nhà nước áp dụng các biện pháp ngăn chặn để bảo đảm sự an toàn của các quan hệ xã hội. Chính vì lẽ đó, hành vi pháp luật phải là sự thống nhất của hai mặt: pháp lý và thực tế. Mặt pháp lý chính là qui định của pháp luật cả về nội dung và hình thức còn mặt thực tế chính là mức độ nhận thức của chủ thể và kết quả (hoặc hậu quả) của hành vi đem lại. Điều này có ý nghĩa đối với sự phân loại chủ thể hành vi pháp luật, chẳng hạn trong vi phạm pháp luật có thể nhận diện được chủ thể nào là tội phạm hoặc vi phạm hành chính.

+ *Về nội dung*: Nội dung của hành vi pháp luật phụ thuộc vào từng lĩnh vực được pháp luật điều chỉnh và nội dung thực tế mà chủ thể xác lập trên thực tế. Hành vi pháp luật được coi là những sự kiện pháp lý gắn liền với những quan hệ pháp luật cụ thể. Tuy nhiên, có những quan hệ pháp luật chủ thể chủ động tham gia (ví dụ như quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình) nhưng cũng có những quan hệ pháp luật họ hoàn toàn không muốn tham gia, chẳng hạn như quan hệ pháp luật hình sự. Điều này cho thấy để nhận diện nội dung hành vi pháp luật cũng như thước đo nội dung hành vi pháp luật phụ thuộc vào ba yếu tố cơ bản: *Một là*, sự phân hóa bởi các qui định pháp luật có liên quan, chẳng hạn pháp luật hành chính có qui định về hành vi khiếu nại, hành vi khiếu kiện; pháp luật hình sự có qui định về hành vi cướp, cướp giật. *Hai là*, mức độ và kết quả (trong trường hợp trái pháp luật gọi là hậu quả) thực tế của hoạt động mà chủ thể tiến hành. *Ba là*, sự đánh giá của cơ quan nhà nước hoặc cá nhân có thẩm quyền về xử sự thực tế của chủ thể đó thông qua hoạt động áp dụng pháp luật.

+ *Về hình thức:* Thực chất hình thức của hành vi pháp luật là phương thức biểu đạt trên thực tế của chính nó. Cũng như các hành vi xã hội khác, hành vi pháp luật có hai hình thức tồn tại là hành động và không hành động. Trong quá trình hình thành, tồn tại và phát huy giá trị thì mỗi loại hành vi pháp luật lại đòi hỏi sự thoả mãn điều kiện về hình thức có sự khác biệt nhau. Nhìn chung, về phương diện triết học, bản chất của hành vi là tự do ý chí. Do đó, về nguyên tắc, tự do ý chí của chủ thể trong hành vi không cần phải theo một hình thức nào, bất kể ý chí đó biểu lộ dưới hình thức hành động hoặc không hành động. Tuy nhiên, trong thực hiện pháp luật, nhiều trường hợp pháp luật đòi hỏi hành vi chủ thể phải tuân thủ điều kiện về hình thức một cách chặt chẽ. Việc tuân thủ đó là hết sức cần thiết bởi nó bảo đảm tính hợp pháp của hành vi pháp luật. Chẳng hạn, theo Điều 596-BLDS nước ta "*việc rút lại tuyên bố hứa thưởng phải được thực hiện theo cách thức và trên phương tiện mà việc hứa thưởng đã được công bố*".

- *Về chế độ trách nhiệm:* Hành vi pháp luật bao giờ cũng có mục đích, đối tượng tác

động và kết quả cụ thể. Các kết quả này có thể mang tính tích cực hoặc tiêu cực đối với xã hội, vì vậy nó phải được gắn liền với chế độ trách nhiệm pháp lý cụ thể. Về nguyên tắc, hành vi pháp luật phải gắn liền với trách nhiệm pháp lý nhưng trên thực tế có những trường hợp nhà nước có thể miễn hoặc giảm trách nhiệm pháp lý đối với chủ thể theo qui định của pháp luật.

Tóm lại: *Hành vi pháp luật là xử sự của chủ thể hình thành trên cơ sở nhận thức, được biểu đạt trên thực tế dưới dạng hành động hoặc không hành động và do pháp luật điều chỉnh.*

Xét về mặt nội dung và hình thức, hành vi pháp luật vừa mang những đặc điểm chung của hành vi xã hội vừa có những đặc điểm riêng biệt của nó. Cụ thể:

Thứ nhất, hành vi pháp luật được pháp luật điều chỉnh. Đây là chuẩn mực (thước đo) pháp lý cần thiết tạo cơ sở cho quá trình tác động, đánh giá và xem xét hiệu quả cũng như chế độ trách nhiệm và trách nhiệm pháp lý của hành vi trên thực tế. Được pháp luật điều chỉnh nghĩa là hành vi đó phải được pháp luật xác định rõ ràng về nội dung và chặt chẽ về hình thức. Pháp luật điều chỉnh hành vi chủ thể dưới dạng cho phép, bắt buộc hoặc cấm đoán. Trong một số trường hợp nhà làm luật có thể đặt ra giới hạn, yêu cầu cụ thể đối với xử sự của từng loại chủ thể khi tham gia quan hệ pháp luật. Nếu không tuân thủ (cả về nội dung và hình thức) điều kiện đó hành vi pháp lý của họ sẽ bị vô hiệu hoặc bị coi là vi phạm pháp luật. Tuy vậy, nguyên tắc tự do ý chí của chủ thể cần được tôn trọng để bảo đảm tính chủ động trong xử sự của chủ thể. Sự tôn trọng của xã hội, nhà nước về tự do ý chí của chủ thể tất nhiên không phải là vô hạn mà cần gắn với trật tự xã hội và trật tự pháp luật ở mỗi giai đoạn cụ thể. Khi cho rằng, hành vi pháp luật phải được pháp luật điều chỉnh không có nghĩa là mọi hành vi pháp luật trên thực tế đều có được qui phạm pháp luật trực tiếp điều chỉnh. Do nhiều nguyên nhân đem lại, trên thực tế cá biệt có những hành vi về nội dung, hình thức có thể vẫn chưa có qui phạm pháp luật cụ thể nào điều chỉnh, mặc dù nó phải được pháp luật điều chỉnh. Trường hợp này nhà nước cần có những biện pháp linh hoạt để bảo đảm cho hành vi đó sớm được vận động trong trạng thái hợp pháp, chẳng hạn bằng cách áp dụng tương tự pháp luật, vận dụng tập quán. Như vậy, khi cho rằng hành vi pháp luật *"được pháp luật điều chỉnh"* điều đó phụ thuộc vào quan niệm thế nào là pháp luật. Ở nước ta, pháp luật được hiểu là *hệ thống các qui tắc xử sự (qui phạm pháp luật) do nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận* đã không chỉ làm bó hẹp nội hàm khái niệm pháp luật và lệch lạc nhận thức về nguồn pháp luật mà còn gây khó khăn cho xem xét hành vi pháp luật trên thực tế. Theo đó, những văn bản hành chính thông dụng có tên gọi như công văn, công điện, điện khẩn, tờ trình, biên bản v.v rõ ràng không được coi là văn bản pháp luật và hành vi thực thi hoặc không thực thi những văn bản đó cũng không được coi là hành vi pháp luật. Liệu có đúng không khi không ít những văn bản đó mang tính bắt buộc và các hệ lụy lại mang tính pháp lý? Kinh nghiệm từ các quốc gia theo hệ thống Civil law, common law, pháp luật không đơn thuần chỉ là pháp luật thành văn nghĩa là hệ thống văn bản chứa đựng qui phạm pháp luật. Ngoài những nguồn dễ nhận biết ra, pháp luật còn tồn tại ở cả những khả năng không có định lượng như luật lẽ phải (ở Anh), luật lương tâm (ở Pháp). Đó thực chất là cách thức giải quyết thực tế mà các nhà áp dụng pháp luật đưa ra khi không có một nguồn nào điều chỉnh (giống như áp dụng pháp luật tương tự ở nước ta). Điều này cho thấy, việc mở rộng nội hàm khái niệm pháp luật với cấu trúc nguồn đa dạng hơn sẽ tạo cơ sở nhận thức-pháp lý đầy đủ hơn khi xem xét hành vi pháp luật trên thực tế.

Thứ hai, hành vi pháp luật xuất hiện, tồn tại trên thực tế gắn liền với quan hệ pháp luật. Sở dĩ nói gắn liền với quan hệ pháp luật là vì hành vi cũng như kết quả của nó có các

khả năng đem lại việc phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quan hệ pháp luật cụ thể. Có hai khả năng sau: *một là*, nếu chủ thể đang tham gia các quan hệ pháp luật thì hành vi đó là sự hiện thực hoá nội dung quyền, nghĩa vụ pháp lý của chủ thể trong thực tế. *Hai là*, nếu chủ thể không tham gia quan hệ pháp luật nào trên thực tế nhưng có hành vi tác động tới một đối tượng nhất định và gây hậu quả xấu thì nhà nước sẽ truy cứu trách nhiệm pháp lý và quan hệ pháp luật sẽ hình thành trong quá trình này.

Thứ ba, hành vi pháp luật luôn gắn liền với trách nhiệm pháp lý. Trách nhiệm pháp lý được hiểu theo hai nghĩa: *một là*, sự thực hiện các nghĩa vụ một cách tích cực. *Hai là*, sự gánh chịu các biện pháp tước đoạt hoặc hạn chế mà nhà nước áp dụng khi có vi phạm pháp luật. Phương thức để chủ thể thực hiện nghĩa vụ hoặc gánh chịu các biện pháp trừng phạt đó là hành vi. Như vậy, không có việc thực thi chế độ trách nhiệm pháp lý ngoài hành vi pháp luật. Hai yếu tố này có quan hệ hữu cơ, tương tác với nhau trong quá trình đảm bảo pháp luật có hiệu quả trên thực tế.

Hành vi pháp luật là một hiện tượng đa dạng, phong phú trong đời sống pháp lý. Việc phân loại hành vi pháp luật không chỉ đơn thuần thoả mãn yêu cầu nhận thức mà nhằm chỉ ra những phương thức hợp lý và hiệu quả trong ứng xử xã hội, xã hội hoá các hành vi hợp pháp, tích cực trong các hoạt động pháp lý thực tiễn. Mặt khác, việc phân loại hành vi pháp luật sẽ hình thành cơ sở lý luận thiết yếu cho quá trình đấu tranh phòng, chống các hành vi trái pháp luật, vi phạm pháp luật một cách thích ứng và hiệu quả. Có nhiều cách phân loại hành vi pháp luật. Mỗi cách phân loại dựa trên những tiêu chí khác nhau tuỳ thuộc vào cách tiếp cận vấn đề cũng như mục đích nghiên cứu cụ thể của từng chủ thể.

- Dựa vào dạng thức tồn tại thực tế (tức hình thức biểu đạt khách quan trên thực tế), hành vi pháp luật được phân thành hai dạng thức là hành động và không hành động.

- Dựa vào định chuẩn của pháp luật, hành vi pháp luật được phân chia thành hành vi hợp pháp luật, hành vi trái pháp luật và hành vi vi phạm pháp luật. Hành vi hợp pháp là hành vi mà nội dung và hình thức phù hợp với các qui định pháp luật hay theo đúng qui định pháp luật. Hành vi trái pháp luật là dạng hành vi không phù hợp với các qui định pháp luật nhưng xét về điều kiện, nội dung và hình thức lại không bị coi là vi phạm pháp luật. Chẳng hạn, hành vi của một đứa trẻ 10 tuổi đi vào đường ngược chiều là trái pháp luật nhưng không bị coi là vi phạm pháp luật. Hành vi vi phạm pháp luật là những hành vi trái pháp luật do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm hại tới các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ. Như vậy, trái pháp luật không có nghĩa là vi phạm pháp luật nhưng đã bị coi là vi phạm pháp luật có nghĩa là hành vi đó luôn luôn trái pháp luật.

- Dựa vào đặc điểm ý chí của chủ thể, hành vi pháp luật được phân chia thành hành vi pháp lý đơn phương và hành vi pháp lý song phương hoặc đa phương.

- Dựa vào đặc điểm về chủ thể, hành vi pháp luật có thể phân thành hành vi của cá nhân, hành vi của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị xã hội, v.v.

- Dựa vào hệ quả của sự tác động trong các quan hệ pháp luật, hành vi pháp luật cũng có thể được nhận diện là hành vi làm phát sinh quan hệ pháp luật, hành vi làm thay đổi quan hệ pháp luật và hành vi làm chấm dứt quan hệ pháp luật.

Tóm lại, hành vi cũng như hành vi pháp luật luôn là một vấn đề phức tạp trong nhận thức luận. Việc kiến giải một cách khoa học về những yếu tố này sẽ là cơ sở lý luận quan trọng cho thực tiễn quản lý xã hội bằng pháp luật, đấu tranh phòng chống vi phạm pháp luật và tăng cường pháp chế. Đó là một quá trình đòi hỏi phải được tiếp cận đa chiều dưới lăng kính liên ngành của nhiều bộ môn khoa học, bởi đó là những nội dung không dễ có được sự thống nhất trong nghiên cứu.